**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2021 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2021.*

**NGHỊ QUYẾT**

**CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

* *Căn cứ Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
* *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất;*
* *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất ngày 30/6/2021,*

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG QUYẾT NGHỊ**

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về công tác quản trị Công ty năm 2020 và định hướng hoạt động 2021.
2. Thông qua Báo cáo kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021.
3. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty. Một số chỉ tiêu chính như sau:

*ĐVT: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Thực hiện 2020** | **Thực hiện 2019** | **Kế hoạch 2020** | **Mức tăng trưởng và hoàn thành kế hoạch** | |
| **TH2020 /TH2019** | **TH2020 /KH2020** |
| Tổng doanh thu | 1.144.833 | 3.088.897 | 1.202.817 | 37% | 95% |
| Doanh thu thuần SXKD | 918.203 | 2.895.409 | 1.018.769 | 32% | 90% |
| Lợi nhuận trước thuế | 148.452 | 445.085 | 22.555 | 33% | 658% |

1. Thông qua kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2021. Các chỉ tiêu chính trong kế hoạch kinh doanh như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **Chỉ tiêu** | **Thực hiện 2020**  **(Theo BCTC)** | **Thực hiện 2020**  **(Số liệu so sánh)** | **Kế hoạch 2021** | **KH 2021**  **/TH 2020 (BCTC)** | **KH 2021**  **/TH 2020 (So Sánh)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 = 4/2 | 6 = 4/3 |
| Tổng doanh thu thuần | 1.144.833 | 982.936 | 964.000 | 84,20% | 98,07% |
| Doanh thu SXKD thuần | 918.203 | 746.604 | 895.810 | 97,56% | 119,98% |
| Lợi nhuận trước thuế | 148.452 | 89.658 | 17.146 | 11,55% | 19,12% |
| **EPS (đồng/cp)** | **995** | **598** | **114** | **11,46%** | **19,06%** |

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty được quyết định việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 phù hợp với sự thay đổi của thị trường theo diễn biến dịch bệnh và tiến trình mở cửa đường bay quốc tế.

1. Thông qua báo cáo về quỹ thù lao, quỹ lương, tiền thưởng năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

| **Nội dung** | **Tổng Quỹ** |
| --- | --- |
| Quỹ thù lao HĐQT (không bao gồm Tổng Giám đốc - thành viên HĐQT tham gia điều hành), Ban kiểm soát năm 2020. | **444.000.000** |
| Quỹ lương Trưởng BKS chuyên trách, Kiểm soát viên chuyên trách năm 2020 | **893.181.818** |
| Quỹ thưởng HĐQT (không bao gồm Tổng Giám đốc - thành viên HĐQT tham gia điều hành) và Ban kiểm soát năm 2020 | **1.046.454.944** |

1. Thông qua phương án tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

**6.1. Mức thù lao, tiền lương HĐQT, BKS:**

*6.1.2. Mức thù lao Thành viên HĐQT, BKS:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức hưởng (VNĐ/người/tháng)** |
| 1 | Thù lao Thành viên Hội đồng quản trị | 8.000.000 |
| 2 | Thù lao Thành viên Ban kiểm soát | 5.000.000 |

*6.1.2. Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên chuyên trách:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Mức lương (VNĐ/người/tháng)** | | | **So sánh 2021/(\*)** | | |
| Từ năm 2018-2020 (\*) | Đề xuất năm 2021 | Tuyệt đối | | % |
| 1 | Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách | 55.000.000 | **61.000.000** | 6.000.000 | | 111% |
| 2 | Kiểm soát viên chuyên trách | 20.000.000 | **28.000.000** | 8.000.000 | | 140% |

*Nguồn chi: Từ chi phí của Công ty*

**6.2. Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:**

Tùy theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định mức thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 (nếu có).

1. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Một số nội dung cơ bản như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Số tiền** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Tổng tài sản** | **1.806.089.113.033** |
| **2** | **Tổng doanh thu** | **1.144.833.300.645** |
| 2.1 | Doanh thu thuần SXKD | 918.202.934.540 |
| 2.2 | Doanh thu hoạt động tài chính | 220.951.443.892 |
| 2.3 | Thu nhập khác | 5.678.922.213 |
| **3** | **Tổng chi phí** | **996.380.939.180** |
| **4** | **Lợi nhuận trước thuế** | **148.452.361.465** |
| 5 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | - |
| 6 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | (1.041.201.937) |
| **7** | **Lợi nhuận sau thuế** | **149.493.563.402** |

1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2020:

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Tỷ lệ** | **Số tiền** |
| **1** | **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2020:** |  | **172.408.763.402** |
| 1.1 | Lợi nhuận sau thuế giữ lại năm 2019 |  | 22.915.200.000 |
| 1.2 | Lợi nhuận sau thuế năm 2020 |  | 149.493.563.402 |
| **2** | **Lợi nhuận sau thuế được phân phối:** |  | **172.408.763.402** |
| **2.1** | **Trích lập các quỹ năm 2020** | **11,20%** | **19.309.781.501** |
|  | *Trích quỹ khen thưởng* | *5.50%* | *9.482.481.987* |
|  | *Trích quỹ phúc lợi* | *5.00%* | *8.620.438.170* |
|  | *Trích quỹ thưởng HĐQT và BKS* | *0.70%* | *1.206.861.344* |
| **2.2** | **Chia cổ tức cổ đông** | **46,44%** | **80.071.146.000** |
| *(Tỷ lệ chi trả: 600 đồng/1 cổ phần)* |
| **3** | **Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối (\*)** | **42,36%** | **73.027.835.901** |

(\*) Trong năm 2021, công ty chưa phân phối lợi nhuận sau thuế còn lại số tiền 73 tỷ đồng do:

8.1. Nhằm đảm bảo dòng tiền dự phòng trong điều kiện hoạt động kinh doanh tiếp tục gặp khó khăn, thách thức do dịch bệnh Covid – 19 vẫn diễn biến phức tạp.

8.2. Công ty sẽ thực hiện phân phối ngay sau khi hoạt động kinh doanh được khôi phục trở lại.

8.3. Đầu tư phục vụ phát triển cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

1. Thông qua việc ủy quyền Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách dưới đây để thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, kiểm toán báo cáo tài chính năm của năm tài chính 2021 của SASCO như sau:

- Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam;

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;

- Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam.

1. Thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty SASCO ban hành mới theo Luật doanh nghiệp 2020. Điều lệ mới của Công ty có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế cho Điều lệ hiện hành.
2. Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty SASCO. Quy chế mới có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế Quy chế hiện hành.
3. Thông qua toàn văn Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty SASCO. Quy chế mới có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế cho Quy chế hiện hành.
4. Thông qua toàn văn Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát Công ty SASCO. Quy chế mới có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế cho Quy chế hiện hành.
5. **Điều khoản thi hành**
   1. Giao Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch chi tiết, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được Đại hội thông qua tại Nghị quyết này.
   2. Nghị quyết này đã được đọc, thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty SASCO và có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2021.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  **Chủ tọa**  **NGUYỄN HẠNH** |
|  |  |

*Nơi nhận:*

* *Đại hội đồng cổ đông;*
* *Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;*
* *UBCKNN,SGDCKHN,TTLKCK;*
* *Lưu VT.*